| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN TRE**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2018
*V/v*: *"Xin ly hôn''*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

***Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lư Ngọc Thiên An-Kiểm sát viên

Trong 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 212A1, KPB, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

* *Bị đơn:* Ông Võ Văn L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 370B, KP, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T trình bày*:

Bà với ông Võ Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/3/2013. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Khoảng 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, sau đó khoảng 02 tháng một mình bà về thành phố BT sống và làm việc. Khoảng 02 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và điều kiện sống, ông L thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về nhà có hành vi chửi bới vợ. Do mỗi người sống một nơi nên tình cảm dần phai nhạt, bà có yêu cầu ông L về Bến Tre sống và làm việc nhưng ông L không chịu về. Ông L không biết lo lắng và mang lại hạnh phúc cho vợ. Về tình cảm cả hai không thông cảm, hiểu cho nhau nên

vợ chồng bà đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Mặc dù sống ly thân nhưng ông L thường xuyên tìm bà và hâm dọa giết bà. Bà nhận thấy hôn nhân vợ chồng bà không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Sau khi bà đã nộp đơn xin ly hôn ông L, đến ngày 31/1/2018, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng bà, khi kết thúc hòa giải bà đi về nhà thì ông L chặn đầu xe taxi bà đi và hâm dọa giết bà nếu bà ly hôn với ông. Đồng thời ông L hâm dọa sẽ giết chết bà tại tòa án, sau đó sẽ tự vẫn nếu như Tòa án cho ly hôn. Nay bà rất sợ hãi ông L và đã trốn không dám gặp ông L một thời gian rất dài vì vậy bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông L. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn L.

Trong quá trình sống chung vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có;

*Theo bản tự khai ngày 31/01/2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Võ Văn L trình bày*:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian đăng ký hôn, nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng ông. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, không xảy ra mẫu thuẫn gì lớn. Những nguyên nhân mẫu thuẫn trong hôn nhân như vợ trình bày thì ông không đồng ý. Thỉnh thoảng ông cũng có nhậu với bạn bè chứ không phải thường xuyên ăn nhậu như vợ trình bày, vì ông còn phải đi làm nên không có thời gian để nhậu với bạn thường xuyên. Lúc nào ông cũng yêu thương vợ, quan tâm đến vợ nhưng vì cuộc sống ông phải đi làm để kiếm tiền lo cho cuộc sống. Ông hứa với vợ sẽ sửa đổi bản thân như yêu cầu của vợ để vợ chồng sống hạnh phúc hơn. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ, ông muốn vợ chồng hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Ông thấy giữa vợ chồng không có mẫu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn. Việc bà T cho rằng ông cầm dao hâm dọa giết bà T và gia đình, là ông chỉ nói như vậy lúc giận chứ ông không muốn giết bà T. Việc ông chặn xe taxi bà T đang đi là ông muốn kêu bà T về nhà nói chuyện chứ không có việc gì khác.

Trong quá trình sống chung vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà T và ông L thực tế đã xảy ra, mặc dù ông L không đồng ý ly hôn nhưng ông L không đưa ra được một biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình mình mà còn hâm dọa giết bà T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông L, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà T. Ghi nhận trong quá trình sống chung vợ chồng ông bà không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại Phường B, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Bà Phạm Thị Phương T và ông Võ Văn L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/3/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do ông thường xuyên uống rượu về chửi và hâm dọa giết bà và gia đình bà. Vợ chồng bà đã ly thân với nhau cách đây gần 02 năm. Nay bà T thấy những bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng quá nhiều, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đồng thời để bảo vệ tính mạng cho mình, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

[4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T với ông L thực tế đã xảy ra. Tòa án có tiến hành xác minh bà Mai Thị Thắm là dì ruột bà T đã cho biết: vợ chồng bà T ông L cũng có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân chính do vợ chồng Thảo bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên bà T làm đơn xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L ngày càng gay gắt hơn, vợ chồng đã ly thân với nhau được 02 năm nay. Mặc dù ông L không đồng ý ly hôn với bà T nhưng ông L không đưa ra được một biện pháp nào để có thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình mình mà ngược lại ông L còn có hành vi đe dọa giết bà T nhiều lần dẫn đến bà T phải bỏ trốn không dám gặp mặt ông L. Bà T và gia đình bà T rất sợ ông L giết chết bà T nên có báo chính quyền địa phương sự việc này. Do mâu thuẫn của vợ chồng bà T và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[5] Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà không có con chung;

[6]Về tài sản chung: không có;

[7]Về nợ chung: không có;

[8]Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị Phương T phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 28 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Phương T, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị Phương T được ly hôn ông Võ Văn L.
- *Về con chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết;
- *Về tài sản chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết;
- *Về nợ chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn)đồng, bà Phạm Thị Phương T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị Phương T đã nộp là 300.000(Ba trăm ngàn)đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014141 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND Phường B;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Đoan Trang**